TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020.
V/v: " Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Trịnh Thị Mai Hương.
Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST – HNGĐ ngày: 24/4/2020, về việc: " Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày: 19/5/2020, Quyết định hoãn phiên toà số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày: 08/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: LTN, sinh năm: 1997 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Hộ khẩu thường trú: tổ 8, ấp BĐ, xã BB, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: KTV, sinh năm: 1994 – (Vắng mặt).
Hộ khẩu thường trú: ấp BT, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2020, bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn chị LTN trình bày: Chị N chung sống với anh V và năm 2018, nhưng đến tháng 5/2019 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trước lúc chung sống có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau, mỗi lần cãi lộn nhau là anh V lại đánh đập Chị N. Mặt khác, gia đình anh V thiếu tôn trọng Chị N, đã nhiều lần xúc phạm, đánh đập Chị N. Mặc dù Chị N đã cố gắng chịu đựng nhưng tình trạng đó cứ kéo dài, vì vậy, vợ chồng

đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên Chị N yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung với nhau, cháu tên là: KNH, sinh ngày: 27/02/2019. Hiện nay đang sống cùng anh V, nếu ly hôn Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn anh KTV trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh V công nhận đúng như Chị N đã trình bày.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi lộn nhau.

Nay Chị N yêu cầu ly hôn thì anh V cũng đồng ý ly hôn với Chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung với nhau, cháu tên là: KNH, sinh ngày: 27/02/2019. Hiện nay đang sống cùng anh V, nếu ly hôn anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh V đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh V vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của Chị N là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị LTN khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho Chị N ly hôn với anh KTV và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị N và anh V.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa Chị N và anh V là hoàn toàn tự nguyện, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả hai bên đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau, không hoà giải, hàn gắn được (Bút lục số: 18,19). Vì vậy, việc Chị N yêu cầu ly hôn thì anh V cũng đồng ý ly hôn với Chị N (Bút lục số: 19,23).

Điều đó chứng tỏ Chị N và anh V không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cả hai bên đều không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nữa. Do đó, việc Chị N yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Chị N. Về hôn nhân Chị N được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Cả Chị N và anh V đều thừa nhận có 01 con chung với nhau là: KNH, sinh ngày: 27/02/2019. Hiện nay đang sống cùng anh V. Cả Chị N và anh V đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Cháu H sinh ngày 27/02/2019, đến nay chủ đủ 36 tháng tuổi, cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ. Do đó, giao Cháu H cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, giao Cháu H cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có trách nhiệm giao Cháu H cho Chị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị N tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả Chị N và anh V đều khẳng định không có tài sản chung và nợ chung (Bút lục số: 18,19,22).

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên Chị N phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị LTN đối với anh KTV.

[1] Về hôn nhân: Chị LTN được ly hôn với anh KTV.

[2] Về con chung: Có 01 con chung với nhau là: KNH, sinh ngày: 27/02/2019. Hiện nay đang sống cùng anh V.

Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu KNH, tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có trách nhiệm giao Cháu H cho Chị N nuôi dưỡng.

Anh V được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà Chị N đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001285 ngày 24/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn

Nơi nhận.
- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *UBND xã XM.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*